

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở
năm học 2023-2024

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Quyết định số 11/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05/4/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở;

Căn cứ Công văn số 1211/SGD&ĐT-GDTrH ngày 25/4/2013 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xét tốt nghiệp lớp 9 trung học cơ sở từ năm học 2012-2013;

Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ kết quả của các Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở năm học 2023-2024 trên địa bàn thị xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả tốt nghiệp trung học cơ sở năm học 2023-2024 đối với 2.313 học sinh lớp 9 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hiệu trưởng các trường trung học cơ sở, tiểu học và trung học cơ sở và học sinh có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (B/c);
- Như Điều 2 (T/h);
- Lưu: VT, CMTHCS (02).

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Thúy



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP THCS NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo Quyết định số 128/QĐ-PGDĐT ngày 09/5/2024

Đạo đức Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên)

Trường	TS học sinh TN	Xếp loại			Nam	Nữ	Thí sinh đang học	Thí sinh tự do	Tổng số thí sinh xét TN
		Giỏi	Khá	TB					
THCS Lê Quý Đôn	177	73	75	29	80	97	177	0	177
THCS Trần Hưng Đạo	124	22	51	51	66	58	124	0	124
THCS Hiệp Hòa	179	41	71	67	92	87	179	0	179
THCS Sông Khoai	105	12	44	49	63	43	106	0	106
THCS Cộng Hòa	155	29	67	59	80	75	155	0	155
THCS Đông Mai	137	18	62	57	72	65	137	0	137
THCS Minh Thành	231	56	86	89	107	124	231	0	231
THCS Tiền An	95	7	37	51	50	45	95	0	95
THCS Hà An	129	36	53	40	129	0	129	0	129
THCS Tân An	69	15	15	39	33	36	69	0	69
THCS Nam Hòa	88	8	37	43	53	35	88	0	88
THCS Yên Hải	93	10	42	41	56	38	94	0	94
THCS Phong Cốc	121	22	57	42	56	65	119	2	121
THCS Phong Hải	106	15	40	51	56	50	106	0	106
THCS Liên Hòa	124	1	46	77	58	66	124	0	124
THCS Liên Vị	179	13	49	117	98	81	176	3	179
TH&THCS Cẩm La	75	14	32	29	42	34	76	0	76
TH&THCS Hoàng Tân	50	6	23	21	20	30	50	0	50
TH&THCS Sông Khoai	42	1	16	25	20	22	42	0	42
TH&THCS Tiền Phong	34	2	18	14	21	13	34	0	34
Tổng	2.313	401	921	991	1.252	1.064	2.311	5	2.316